

Bản án số: 27/2018/HS-ST  
Ngày: 10-10-2018

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Đặng Văn Hai.

Bà: Quang Kim Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS, ngày 21 tháng 9 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Bạch Q (T), sinh năm: 1986, tại: Hậu Giang; Nơi cư trú: 230, ấp T K 1, xã L T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T; Tiền án: Ngày 07/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện chưa xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ: từ ngày 04/7/2018 đến ngày 13/7/2018, tạm giam: từ ngày 13/7/2018 đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:**

1. Nguyễn Thị Bích T - sinh năm: 1982 (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thanh T - sinh năm: 1981.

Cùng nơi cư trú tại: 315A/1, ấp T B, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trần Thanh T ủy quyền cho Nguyễn Thị Bích T - sinh năm: 1982; Nơi cư trú tại: 315A/1, ấp T B, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018) (có mặt tại phiên tòa).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đặng Thế H - sinh năm: 1986; Nơi cư trú tại: 476, ấp T P, TT. C T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có mặt tại phiên tòa).
2. Võ Hoàng D - sinh năm: 1971; Nơi cư trú tại: 11/2, Đường 30/4, K 5, P 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt tại phiên tòa).

*- Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị T - sinh năm: 1962; Trú tại: 230, ấp T K 1, xã L T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt tại phiên tòa).
2. Lê Hồng K - sinh năm: 1946; Trú tại: 457/1, ấp T L, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).
3. Lê Văn T - sinh năm: 1956; Trú tại: 250/1, ấp T L, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).
4. Võ Thành N - sinh năm: 1961; Trú tại: 347/1, ấp T L, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).
5. Trần Minh C - sinh năm: 1989; Trú tại: 315/1, ấp T B, xã P H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 29/5/2018 Trần Bạch Q thuê xe mô tô khách (không xác định rõ họ, tên và địa chỉ người lái xe) đi từ thị trấn C T, huyện C T A, tỉnh Hậu Giang đến quán cà phê Kiều Loan cặp Quốc lộ 54 thuộc ấp T P, xã P , huyện Lai Vung, Q xuống xe vào quán uống nước khoảng 30 phút, sau đó Q đi bộ rời rẽ vào đường nông thôn nhằm tìm tài sản để lấy trộm.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/5/2018 Q đi đến trước nhà anh Trần Thanh T, Q đi ra sau nhà nhìn vào lỗ hổng vách nhà thấy anh Tâm và vợ là chị Nguyễn Thị Bích T đang ngủ trong phòng, Q đi ra hàng ba nhà ngồi hút thuốc lá và bỏ vỏ thuốc lá hiệu JET màu trắng tại đó. Sau khi hút thuốc xong Q đi ra cửa nhà sau thò tay vào lỗ tol mở chốt gài cửa rồi đi vào nhà lấy điện thoại di động hiệu VIVO sim số 01289032145, phía sau lưng điện thoại có để 01 đô la Mỹ đang sặc trên nền gạch; 01 chìa khoá xe mô tô để trên đầu tủ lạnh; 01 bóp màu vàng (bên trong bóp có để 02 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thanh T, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Bích T) để trong túi quần Jean màu xanh treo cặp vách nhà sau, Q để tất cả tài sản vào túi quần. Tiếp theo Q dẫn xe mô tô biển số 66L1-462.45 hiệu Honda, loại Future Fi và 01 nón bảo hiểm màu đỏ được treo trên xe ra đường lộ dẫn đi được một đoạn Q đội nón bảo

hiểm, lấy chìa khoá khởi động xe chạy ra Quốc lộ 54, trên đường đi Q lấy bóp da, 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe của chị T, giấy chứng minh nhân dân của anh T ném bỏ rồi Q chạy xe mô tô về huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thuê khách sạn để ngủ. Tại khách sạn Q mở cốp xe để kiểm tra thì phát hiện trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 034405, biển số 66L1-462.45, giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Bích T và 01 sổ hộ khẩu của gia đình chị T.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô chạy đến tiệm sửa xe Ngọc Phú của Đặng Thê H tại thị trấn C T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tại đây Q hỏi H có chỗ nào bán xe không, H hỏi xe có giấy tờ không, Q nói có, nên H dẫn Q đến nhà gặp ông Võ Hoàng D tại thị trấn R G, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; khi gặp ông D, Q nói xe của người chị bán lại nhưng không làm giấy tay, rồi đưa giấy chứng minh nhân dân cùng giấy đăng ký xe mô tô của chị T cho ông D xem và nói giá bán là 20.000.000 đồng, ông D mua với giá 17.000.000 đồng, Q đồng ý bán, Q trực tiếp viết giấy tay bán xe cho ông D và lấy tên Nguyễn Thanh L, ông D đưa cho Q 17.000.000 đồng, Q đưa giấy CMND và giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Thị Bích T cho ông D, Q cho H 2.000.000 đồng và đưa sổ hộ khẩu của chị T cho H giữ. Đến ngày 01/6/2018 Q tháo sim trong điện thoại ra cát, lấy tờ tiền 01 đô la Mỹ và bán điện thoại di động hiệu VIVO cho một người thanh niên không xác định rõ họ tên, địa chỉ giá 800.000 đồng. Ngày 06/6/2018, Q điện thoại cho ông D hỏi mượn 500.000 đồng và dặn ông D đừng bán xe để Q mua lại, ông D đưa cho Q 500.000 đồng; ngày 09/6/2018, Q dùng sim số 01289032145 điện thoại cho ông D kêu bán xe cho người khác đi vì Q không có tiền mua lại, lúc này có mặt H, nói chuyện xong Q gỡ sim ra khỏi điện thoại ném bỏ, H thấy vậy nhặt sim điện thoại sử dụng. Trong quá trình H sử dụng sim số 01289032145 thì anh Trần Minh C (em ruột anh T) điện thoại vào sim số 01289032145 thì H nghe máy và kêu anh Chánh qua Hậu Giang để nhận lại sim điện thoại và sổ hộ khẩu, sau đó anh Chánh đã trình báo Công an. Đến ngày 03/7/2018 Trần Bạch Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung bắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-ĐGTS ngày 03/7/2018 và số 100/KL-ĐGTS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lai Vung kết luận 01 xe mô tô hiệu Honda màu đen biển số 66L1-462.45 có giá là 29.610.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1606 màu Grown gold có giá là 2.944.000 đồng; 01 nón bảo hiểm nửa đầu có giá 76.500 đồng; 01 cái bóp nam màu vàng có giá là 21.000 đồng; 01 sim điện thoại mạng mobifone số 01289032145 có giá là 50.000 đồng và 01 đô la Mỹ là 22.875 đồng; Tổng cộng là 32.724.375 đồng.

Ngày 16/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã trao trả 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Thanh T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 341134939, tên Nguyễn Thị Bích T; 01 sim điện thoại di động đã cắt nhỏ, mạng mobifone; 01 xe mô tô biển số 66L1-462.45 hiệu Honda, loại Future Fi, số máy JC76E0158747, số khung 7616GZ106978; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô

tô, xe máy số 034405, tên chủ xe Nguyễn Thị Bích T, biển số 66L1-462.45 cho Nguyễn Thị Bích T.

Tại các bản lời khai ông Võ Hoàng D yêu cầu bị cáo Trần Bạch Q bồi thường tiền mua xe mô tô biển số 66L1-462-45 là 17.500.000 đồng, bị cáo Q đã bồi thường cho ông D 500.000 đồng, ông D yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS, ngày 21/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Trần Bạch Q ra trước Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Bạch Q khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã cho Đặng Thế H, bị cáo Q yêu cầu anh H trả lại cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Thị Bích T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thanh T trình bày đã mất những tài sản như cáo trạng đã nêu và đã nhận lại các tài sản, còn 01 điện thoại di động hiệu Vivo, 01 bóp da và nón bảo hiểm. Chị T yêu cầu bị cáo Trần Bạch Q bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu Vivo là 2.944.000 đồng, nhưng chị T đã nhận của bị cáo Q đã bồi thường 500.000 đồng, chị T yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 2.444.000 đồng. Đối với bóp da và nón bảo hiểm chị T không yêu cầu Q bồi thường và chị yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Thế H đồng ý tự nguyện trả lại 2.000.000đ cho bị cáo Q.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: khẳng định việc truy tố đúng như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Trần Bạch Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Bích T và Trần Thanh T tài sản có giá trị tổng số tiền là 32.724.375 đồng, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả và nhân thân của bị cáo có bác ruột tên Trần Văn N là Liệt sĩ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Trần Bạch Q từ 04 năm đến 05 năm tù. Về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Trần Bạch Q tiếp tục bồi thường 2.444.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Bích T và 17.000.000 đồng cho ông Võ Hoàng D; buộc Đặng Thế H hoàn trả cho bị cáo Q 2.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá, màu trắng có chữ JET, bên trong không có đề thuốc lá; tịch thu đưa hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán mang tên

Nguyễn Thanh Lâm, do ông Võ Hoàng D giao nộp. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Bạch Q thông nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, không tranh luận gì. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Trần Bạch Q có hành vi lén lút trộm tài sản của bị hại Nguyễn Thị Bích T và bị hại Trần Thanh T, các bị hại đã xác định đúng số tài sản của mình bị mất, phù hợp hiện trường vụ án và vật chứng thu giữ; lời nhận tội của bị cáo Q là đúng với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của bị cáo là có căn cứ. Tài sản mà bị cáo Trần Bạch Q chiếm đoạt có tổng số tiền là 32.724.375 đồng; bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng nhưng bị cáo đã có 02 tiền án mà chưa xóa án tích nên đây là lần tái phạm nguy hiểm, cho nên hành vi của bị cáo Trần Bạch Q có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a.....*

*g. Tái phạm nguy hiểm.”*

Hành vi phạm tội của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một cách

trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong dư luận, vì tài sản mặc dù được cất giữ cẩn thận vẫn bị chiếm đoạt, bị cáo đã xem thường pháp luật, do đó cần phải có một mức hình phạt tương xứng, nhằm mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Trần Bạch Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có có bác ruột tên Trần Văn N là Liệt sĩ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và trong quá trình tạm giam bị cáo Q thực hiện tốt nội quy nhà tạm giữ và phát hiện các can phạm khác vi phạm nội quy có báo cán bộ trại giam xử lý, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Đặng Thế H và Võ Hoàng D có hành vi giới thiệu và mua xe mô tô của bị cáo Q nhưng anh H và ông D không biết đó là tài sản do bị cáo Q phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Bích T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thanh T đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo Trần Bạch Q bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu Vivo là 2.944.000 đồng, chị T đã nhận của bị cáo Q 500.000 đồng, chị T yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường số tiền 2.444.000 đồng, bị cáo Q đồng ý, việc thỏa thuận này không trái Q định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bóp da màu vàng và nón bảo hiểm màu đỏ không thu giữ được chị T không yêu cầu bị cáo Q bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hoàng D yêu cầu bị cáo Q bồi thường tiền mua xe mô tô biển số 66L1-462-45 là 17.500.000 đồng, bị cáo Q đã bồi thường cho ông D 500.000 đồng, ông D đã nhận, ông D yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 17.000.000 đồng, bị cáo Q đồng ý, xem xét không trái Q định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Q yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Thế H trả lại 2.000.000 đồng, anh Đặng Thế H đồng ý, việc thỏa thuận này không trái Q định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá, màu trắng, có chữ JET, bên trong không có đờ thuốc lá;

- Tịch thu đưa hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán mang tên Nguyễn Thanh L, do ông Võ Hoàng D giao nộp.

(Tất cả vật chứng trên đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp quản lý).

[6] Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Bạch Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Bạch Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày lệnh giữ ngày 03/7/2018.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Trần Bạch Q bồi thường số tiền 2.444.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) cho bị hại Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Thanh T (bị cáo chưa nộp).

Công nhận sự thỏa thuận của ông Đặng Thế H trả số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho bị cáo Trần Bạch Q (anh H chưa nộp).

Buộc bị cáo Trần Bạch Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) cho ông Võ Hoàng D (bị cáo chưa nộp).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá, màu trắng, có chữ JET, bên trong không có đề thuốc lá.

Tịch thu đưa hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán mang tên Nguyễn Thanh L, do ông Võ Hoàng D giao nộp.

(Tất cả vật chứng trên đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trần Bạch Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Bạch Q phải chịu 972.200 đồng (chín trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thế H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/10/2018; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo Q định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Văn Út**

